

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Lâm Giang;

Ông Đào Xuân Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện TY tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2018/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018, về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 15/8/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 64A/2018/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2018 giữa:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn D , xã QN, huyện TY, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: anh Vũ Minh T1, sinh năm 1983; nơi ĐKKHKT: tổ A, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; hiện cư trú: thôn D , xã QN, huyện TY, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 06/6/2018 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Vũ Minh T1 ngày 24 tháng 4 năm 2012, trước khi kết hôn hai bên đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã QN, huyện TY, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị và anh T1 về chung sống với nhau ngay tại thôn D , xã QN, huyện TY, tỉnh Bắc Giang. Buổi đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Cuối năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T1 không tu chí làm ăn và không chăm lo cho gia đình, khi chị khuyên bảo anh T1 thì anh T1 đã đánh chửi chị, từ đó dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Từ cuối năm 2015, vợ chồng chị tuy sống cùng nhau nhưng không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Tháng 6/2018 chị phải về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống đã sinh được 01 con chung là: Vũ Nam Th, sinh ngày 25/7/2014. Từ khi ly thân, cháu Thành ở với chị vài ngày rồi lại ở với anh T1 vài ngày. Ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chị yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị với mức 1.000.000 đồng/01 tháng, kể từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng, công sức đóng góp, ruộng canh T1ác: chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, Chị T có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Tại bản tự khai ngày 26/6/2018 và những lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Vũ Minh T1 trình bày: Anh nhất trí với trình bày của Chị T về ngày tháng kết hôn, điều kiện kết hôn, con chung. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 5/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong làm ăn kinh tế. Tháng 6/2018, Chị T đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ của Chị T sinh sống. Vợ chồng anh chị ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay, khi Chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thì anh đã gọi điện bảo về vài lần nhưng chị Tân không về. Nay anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, do đó anh có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung nên anh không đồng ý ly hôn với Chị T.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống đã sinh được 01 con chung là: Vũ Nam Th, sinh ngày 25/7/2014. Từ khi ly thân, cháu Thành ở với chị vài ngày rồi lại ở với anh T1 vài ngày. Nếu ly hôn, anh nhận nuôi con, không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, ruộng canh T1ác: anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T1 có mặt và có ý kiến, nếu vợ chồng phải ly hôn thì anh đồng ý cho Chị T nuôi con chung, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/01 tháng.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Minh T1.

Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng con chung là Vũ Nam Th, sinh ngày 25/7/2014. Anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/01 tháng.

Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm; anh Vũ Minh T1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Vũ Minh T1 ngày 24/4/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã QN, huyện TY, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, hai bên đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, Chị T và anh T1 về chung sống với nhau ngay. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và làm ăn. Tháng 6/2018, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên Chị T phải về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên chị xin được ly hôn với anh T1. Anh T1 cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2018. Mặt khác, tại biên bản xác minh của Tòa án thì gia đình và chính quyền địa phương đều xác định vợ chồng Chị T, anh T1 có xảy ra mâu thuẫn, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2018. Xét thấy, cuộc sống chung của Chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho Chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: Vợ chồng Chị T, anh T1 có 01 con chung tên là: Vũ Nam Th, sinh ngày 25/7/2014. Nay Chị T có nguyện vọng được nuôi con, tại phiên tòa anh T1 cũng đồng ý để Chị T nuôi con, hiện Chị T đang là Giáo viên, có đủ điều kiện để nuôi con. Do đó cần công nhận sự thỏa thuận trên, giao cho Chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp với điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, Chị T yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/ 01 tháng, anh T1 cũng nhất trí cấp dưỡng nuôi con với mức trên, do đó cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Buộc anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/ 01 tháng, kể từ tháng 10/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp ruộng canh T1ác: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; anh T1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Xứ:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Vũ Minh T1.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Nam Th sinh ngày 25/7/2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Vũ Minh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/ 01 tháng kể từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Chị T có đơn đề nghị thi hành án nếu anh T1 không nộp đủ số tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm nộp, cho đến khi nộp xong.

Sau khi ly hôn anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Chị T đã nộp theo biên lai số AA/2017/0002019 ngày 22 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Bắc Giang; anh Vũ Minh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã QN;
- Các đương sự;
- Lưu hs,vt.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Tư Duy